**ĐỀ CƯƠNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

***Chương 1 : Tổng quan về qtri dự án đầu tư***

Câu 1: dự án và qtri dự án ( kn , đặc trưng , tác dụng )

* Khái niệm

+ Theo nghĩa chung nhất: dự án là một lĩnh vực hoạt động đặc thù, một nhiệm vụ cần phải được thực hiện với phương pháp riêng vàtheo một kế hoạch tiến độ nhằm tạo ra một thực thể mới.

+ Trên phương diện quản lý: dự án là những nỗ lực có thời hạnnhằm tạo ra một sản phẩm hoặc dịch vụ duy nhất với những giới hạn xác định về thời gian, chi phí và chất lượng.

* Dự án đầu tư là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạnđể tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định
* Đặc trưng :  
  +Có mục đích, kết quả và nguồn lực xác định

+Có chu kỳ phát triển riêng và có thời gian tồn tại hữu hạn

+Sản phẩm của dự án mang tính đơn chiếc, độc đáo, mới lạ

+Dự án liên quan đến nhiều bên và có sự tương tác phức tạp

+Có tính bất định và rủi ro cao

* Tác dụng :

+Liên kết tất cả các hoạt động, các công việc của dự án

+Tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên hệ, gắn bó thường xuyên giữa nhóm QLDA với khách hàng và các nhà cung cấp đầu vào cho dự án

+Tăng cường sự hợp tác giữa các thành viên và chỉ rõ trách nhiệm của các thành viên tham gia dự án

+Tạo điều kiện phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc nẩy sinh và có những điều chỉnh kịp thời trước những thay đổi hoặc những điều kiện không lường được trước

+Tạo điều kiện cho việc đàm phán trực tiếp giữa các bên liên quan để giảiquyết các bất đồng.

+Tạo ra sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao hơn

Câu 2 : Các mô hình tổ chức quản trị dự án đầu tư (ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HUỐNG ÁP DỤNG)

* Mô hình quản trị dự án theo chức năng

+ Đặc điểm: Dự án được chia ra làm nhiều phần và đượcgiao cho các bộ phận chức năng tương ứng của tổ chức. Dự án sẽ được tổng hợp bởi nhà quản lý chức năng cấp cao.

+ tình huống áp dụng :  
- Mô hình chuyên trách qtri dự án :  
+ đặc điểm :

* Thành lập một ban quản lý chuyên điêu hành cácdự án, mỗi dự án có một chủ nhiệm dự án phụ trách.
* Các thành viên ban quản trị dự án tách hoàn toànkhỏi chức năng chuyên môn để chuyên thực hiệnquản lý điều hành dự án.

+ tình huống áp dụng :

* Mô hình qtri dự án theo ma trận :

+ đặc điểm :

* Là sự kết hợp hai hình thức tổ chức quản lý theo chức năngvà hình thức chuyên trách quản lý dự án.
* Tổ chức/ cơ cấu: giống mô hình chuyên trách: thành lập 1 ban QLDA riêng, mỗi dự án có 1 chủ nhiệm dự án phụ trách
* Nhân sự: mô hình chức năng: các thành viên tham gia dự án có thể trởvề phòng ban chức năng cũ khi dự án hoàn thành (có tính chất kiêm nhiệm)

+ tình huống áp dụng :

**Chương 2 : lập kế hoạch dự án**

Câu 1 : khái niệm, tác dụng lập kế hoạch dự án

* Khái niệm: Lập kế hoạch dự án là việc tổ chức dự án theo một trình tự lôgic ,hợp lý; xác định mục tiêu của dự án và cụ thể hóa thành các công việc cần làm; các biện pháp, các nguồn lực và thời gian cần thiết nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu đã xác định của dự án.
* Tác dụng :  
  +Là cơ sở để tuyển dụng, đào tạo và bố trí nhân lực cho dự án.

+Là căn cứ để dự toán tổng ngân sách và chi phí cho từng công việc.

+Là cơ sở để điều phối nguồn lực và quản lý tiến độ các công việc.

+Có tác dụng làm giảm thiểu rủi ro.

+Là căn cứ để kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến trình thực hiện dự án về các mặt: thời gian, chi phí, kỹ thuật, chất lượng

Câu 2 : Phân tách công việc dự án (KHÁI NIỆM, TÁC DỤNG )

* Khái niệm: Phân tách công việc là việc phân chia có hệ thống theo cấp bậc một dự án thành các nhóm nhiệm vụ và những công việc cụ thể; xác định, liệt kê và lập bảng giải thích cho từng công việc cần thực hiện của dự án.
* Tác dụng :

+Xác định được phạm vi của dự án, tách dự án thành các công việc với mứcđộ chi tiết, cụ thể hơn.

+Là cơ sở phát triển trình tự và thứ tự trước sau giữa các công việc, là cơ sởlập sơ đồ mạng PERT/CPM.

+Là cơ sở xây dựng các kế hoạch chi tiết và điều chỉnh các kế hoạch

+Phân chia, giao nhiệm vụ, xác định trách nhiệm cụ thể và hợp lý cho từng cánhân, từng bộ phận chức năng.

+Là cơ sở để đánh giá hiện trạng và kết quả thực hiện các công việc dự ántrong từng thời kỳ.

+ Tạo thuận lợi trong công tác quản lý, hạn chế sai sót.

***Chương 3 :******Quản lý thời gian và tiến độ dự án***

Câu 1 : Khái niệm, ý nghĩa, tác dụng của quản lý thời gian và tiến độ dự án

* Khái niệm: Quản lý thời gian dự án bao gồm các quá trình cần thiết phải thực hiện(thiết lập mạng công việc, xác định thời gian thực hiện từng công việc, xác định thời gian dự trữ…) và quản lý tiến độ các công việc của dự án, để hoàn thành dự án đúngthời hạn trong phạm vi ngân sách và các nguồn lực cho phép, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về chất lượng.
* Ý nghĩa :
* Quản lý thời gian là cơ sở để giám sát chi phí cũng như các nguồn lực khác cần cho dự án.
* Quản lý thời gian và tiến độ dự án là cơ sở để hoàn thành dự án đúng hạn, trong phạm vi ngân sách và nguồn lực cho cho phép, đáp ứng yêu cầu về chất lượng
* Tác dụng :

Câu 2 : Mạng công việc (CÁC KHÁI NIỆM, KÝ HIỆU, PHƯƠNG PHÁP VẼ AOA, XÁC ĐỊNH ĐƯỜNG GĂNG)

* Khái niệm : Mạng công việc là kỹ thuật trình bày dưới dạng sơ đồ kếhoạch tiến độ các công việc, mối quan hệ phụ thuộc giữa các công việc cả về thời gian và thứ tự trước sau.
* Ký hiệu :
* Phương pháp vẽ AOA

+Công việc: Công việc là một nhiệm vụ hoặc nhóm nhiệm vụ cụ thể cần được thực hiện của dự án. Nó đòi hỏi thời gian, nguồn lực và chi phí để hoàn thành.

+Trên mạng AOA, Mỗi công việc được biểu diễn bằng một mũi tên thẳng,trên đó ghi tên công việc và độ dài thời gian thực hiện

+Công việc ảo (công việc giả): là công việc không có nhu cầu nguồn lựcvà thời gian, trên sơ đồ mạng vẽ bằng nét đứt, thể hiện MQH giữa các công việc.

+Sự kiện: Là mốc đánh dấu sự bắt đầu hay kết thúc của một hay một vài công việc và được thể hiện bằng một vòng tròn (Hoặc ô vuông).

+Đường: Là một chuỗi công việc nối liền nhau theo chiều mũi tên, chiềudài của đường bằng tổng chiều dài thời gian của các công việc nằm trên đường.

* Đường đi từ sự kiện xuất phát đến sự kiện hoàn thành có chiều dài lớnnhất được gọi là đường găng. Đây chính là thời gian thực hiện của dựán. Phương pháp đặt công việc trên mũi tên – AOAQ

Câu 3 : Kỹ thuật tổng quan và đánh giá dự án (PERT) và phương pháp đường găng (CPM) (CÔNG THỨC TÍNH THỜI GIAN DỰ TRỮ SỰ KIỆN, THỜI GIAN DỰ TRỮ CÔNG VIỆC, CÁC KÝ HIỆU, Ý NGHĨA)

* CT tính tgian dự trữ sự kiện

+ Thời gian dự trữ của sự kiện j: Sj = Lj – Ej

* Lj là thời gian muộn nhất đạt tới sự kiện j (Thời gian chậm nhất mà sự kiện j phải xuất hiện để không làm ảnh hưởng đến thời gian hoàn thành dự án).
* Ej là thời gian sớm nhất để đạt tới sự kiện j (Thời gian sớm nhất mà sựkiện j có thể xuất hiện).
* CT tính tgian dự trữ cv

+ tgian dự trữ toàn phần : TFa = LSa- Esa

+tgian dự trữ tự do : EFa = ESa + ta

Câu 4 : Biểu đồ GANTT và biểu đồ đường chéo (KHÁI NIỆM, CÁCH VẼ, CÁCH ĐỌC, XÁC ĐỊNH THỜI GIAN DỮ TRỮ QUA BIỂU ĐỒ GANTT SỚM + MUỘN – TẬP TRUNG VÀO GANTT CẢI TIẾN)

* Khái niệm: Biểu đồ GANTT là phương pháp trình bày tiến độ kế hoạch cũng như thực tế công việc của dự án theo trình tự thời gian .

***Chương 4 : Dự toán dự án và quản lý chi phí dự án***

Câu 1:Mối quan hệ giữa thời gian và chi phí dự án (KHÁI NIỆM, MỐI QUAN HỆ GIỮA THỜI GIAN VÀ CHI PHÍ, CÁC BÀI TOÁN ĐIỀU CHỈNH – BẢN CHẤT)

* Khái niệm : Trong quản lý dự án, thời gian và chi phí là hai yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công của dự án. Thời gian đề cập đến khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành dự án, trong khi chi phí liên quan đến tổng số tiền cần đầu tư cho việc thực hiện dự án đó.
* Mối quan hệ : 2 nhóm CPTT – CPGT

+ Trong quá trình lập dự án người ta có thể xây dựng hai phương ánl à: Phương án bình thường và phương án đẩy nhanh.

* Phương án bình thường là phương án dự tính chi phí cho các côngviệc dự án ở mức bình thường (được coi là nhỏ nhất) và thời gian thựchiện dự án tương đối dài (được coi là dài nhất). Tức : Tmax và Cmin
* Phương án đẩy nhanh là phương án có thời gian thực hiện dự ánngắn hơn (được coi là ngắn nhất) và do đó chi phí cần cho dự án là lớn hơn (được coi là lớn nhất). Tức : Tmin và Cmax

**CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỰ ÁN**

1. Các vấn đề cơ bản về chất lượng và quản lý dự án

a.Những vấn đề cơ bản về chất lượng

- khái niệm:

+ Theo tổ chức chuẩn quốc tế: chất lượng là mức độ đáp ứng yêu cầu của hệ thống các thuộc tính

+ Theo cẩm nang quản lý dự án: Chất lượng là tổng hợp các đặc tính của một đối tượng cho phép thoả mãn các nhu cầu xác định.

Đặc điểm:

- Chất lượng được đo bởi sự thoả mãn nhu cầu

- Chất lượng luôn luôn biến động theo thời gian, không gian và điều kiện sử dụng.

- Chất lượng của một đối tượng là sự thoả mãn nhu cầu của các bên có liên quan

- Chất lượng có thể được công bố rõ ràng dưới dạng các quy định, tiêu chuẩn, cũng có thể chỉ cảm nhận được quá trình sử dụng

- Chất lượng có thể áp dụng cho một hệ thống, một quá trình

b. Quản lý chất lượng dự án

- Khái niệm: Quản lý chất lượng dự án là tập hợp các hoạt động của chức năng quản lý, là một quá trình nhằm đảm bảo cho dự án thoả mãn tốt nhất yêu cầu về chất lượng trong mối quan hệ mật thiết với tiến độ và chi phí của dự án

- Đối tượng quản lý chất lượng dự án: các quy trình, các hoạt động, các sản phẩm dịch vụ của dự án

- Mục tiêu: Đảm bảo dự án đạt được các yêu cầu về chất lượng, đáp ứng mong đợi của các bên liên quan, trên cơ sở đảm bảo tiến độ và chi phí tối ưu

- Phạm vi: Bao gồm tất cả các khâu, từ nghiên cứu thiết lế triển khai sảm phẩm đến tổ chức cung ứng nguyên vật liệu, sản xuất, phân phối tiêu dùng

- Nhiệm vụ: Xác định mức chất lượng cần đạt được, đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng, nâng cao chất lượng công việc, các quá trình dự án

- Nội dung: lập kế hoạch chất lượng: đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng

2. Nội dung chủ yếu của công tác quản lý chất lượng dự án

- Lập kế hoạch chất lượng: là việc xác dsinhj các tiêu chuẩn chất lượng cho dự án và các phương thức để đạt được các tiêu chuẩn đó

- Đảm bảo chất lượng: Là việc thực hiện một cách có hệ thống các hoạt động đã được kế hoạch hoá nhằm đáp ứng các yêu cầu về chất lượng dự án

- Kiểm soát chất lượng: Là việc theo dõi các kết quả cụ thể của dự án để xác định xem có phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng tương ứng hay không, đề ra các giải pháp nhằm loại bỏ các nguyên nhân dẫn tới kết quả không đạt yêu cầu

3. Mối quan hệ giữa chất lượng và chi phí dự án

Chia thành 4 nhóm

- Tổng thất nội bộ: là những chi phó phát sinh do chất lượng sp không đạt yêu cầu và được phát hiện trước khi giao cho khách hàng.

+ thiệt hại về sp => giảm Doanh thu

+ Chi phí sửa chữa sp

+ Chi phí đánh giá sai sót và phế phẩm

+ Chi phó hiệu chỉnh những sai sót

=> TỔN THẤT NỘI BỘ CÀNG TĂNG KHI VIỆC PHÁT HIỆN LỖI CÀNG MUỘN

- Tổn thất bên ngoài: là chi phí phát sinh do chất lượng sp ko đạt yêu cầu và được phát hiện sau khi giao cho khách hàng

+ Thiệt hại thị phần và lợi nhuận tiềm năng do uy tín giảm

+ Chi phí vận chuyển, thu hồi sp

+ Chi phí bảo hành

+ Chi phí bồi thường, kiện tụng

=> TỔN THẤT BÊN NGOÀI THƯỜNG LỚN HƠN NHIỀU SO VỚI TỔN THẤT NỘI BỘ

- Chi phí ngăn ngừa: là chi phí bỏ ra nhằm ngăn chặn việc tạo ra các sp ko đảm bảo chất lượng

+ Chi phí rà soát lại thiết kế

+ Đánh giá nguồn cung ứng

+ Chi phó kho tàng bảo quản nguyên vật liệu

+ Chi phí đào tạo lao động

+ Chi phí cho công tác quản lý chất lượng

- Chi phí thẩm định, đánh giá, kiểm tra chất lượng: là những chi phó phát sinh, đánh giá, kiểm tra chất lượng sp, dịch vụ trong tất cả các khâu

+ Chi phí xây dựng quy trình đánh giá, kiểm tra chất lượng

+ Chi phí cho hoạt động kiểm tra

+ Chi phí kiểm tra cho các nhà cung ứng

+ Chi phí phân tích các báo cáo chất lượng

+ Chi phí kiểm tra dịch vụ bảo hành, sửa chữa

=> Nhóm chi phí này cũng mang tính chất ngăn ngừa nhằm giảm tổn thất bên trong và bên ngoài

**Chương 6: Quản lý rủi ro dự án**

1. Khái niệm và phân loại rủi ro

- Khái niệm: Rủi ro là xác xuất ko hoàn thành các mục tiêu dự án đã đề ra và hậu quả của nó

Phân loại:

- Theo phạm vi: + theo nghành dọc: là rủi ro ảnh hưởng đến từng khâu, từng bộ phận riêng biệt trong hoạt động đầu tư

+ rủi ro chung: là ảnh hưởng đến tất xả các khâu, các bộ phận trong hoạt động đầu tư: chính sách kinh tế- tài chính của Chính Phủ, chính sách tiền tệ, lãi suất,…

- Theo tính chất tác động: + rủi ro thuần tuý: là rủi ro mang tính khách quan, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của chủ đầu tư, rủi ro này dẫn đến tổn thất cho dự án và xã hội như thiên tai, hoả hoạn, …

+ rủi ro suy tính: là rủi ro xảy ra trong trường hợp nhà đầu tư chủ động lựa chọn phương án dù biết rằng có thể có lợi hoặc bị thiệt như đầu tư chứng khoán

- Theo bản chất: + rủi ro tự nhiên là rủi ro mang tính chất tự nhiên, chủ đầu tư thường phải chấp nhận khi rủi ro xảy ra

+ rủi ro về công nghệ và tổ chức

+ rủi ro về kinh tế- rài chính

+ rủi ro về chính trị văn hoá

+ rủi ro về thông tin

-Theo nơi phát sinh: + rủi ro nội sinh:là rủi ro phát sinh từ nguyên nhân thuộc bản thân dự án: quy mô, tính chất phức tạp,…

+ rủi ro ngoại sinh là rủi ro phát sinh từ nguyên nhân bên ngoài dự án: biến động thị trường, sự thay đổi dự án,….

-Theo mức độ khống chế rủi ro: + rủi ro ko thể khống chế: là rủi ro nằm ngoài tầm khống chế của con người

+ rủi ro có thể khống chế được: là rủi ro mang tính chủ quan của dự án và chủ đầu tư: công nghệ, tổ chức, quy mô,….

- Theo khả năng lượng hoá: + rủi ro có thể lượng hoá: là rủi ro có thể thiết lập được quy luật phân phối xác suất xuất hiện của sự kiện hoặc địa lượng nào đó dựa vào nghiên cứu số liệu thực tế của các kỳ trước

+ rủi ro ko thể lượng hoá: là rủi ro mà sự xuất hiện của nó ko tuân theo một quy luật nào hoặc chưa có đủ thông tin để xác lập quy luật biến động của nó

- Theo giai đoạn đầu tư:

- rủi ro trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư: là rủi ro quyết định đầu tư sai và sẽ ảnh hưởng đến các giai đoạn sau của dự án

+rủi ro trong giai đoạn thực hiện đầu tư: là rủi ro phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án, có thể ko như dự tính làm tăng chi phó và kết quả sai khác với dự định ban đầu

+ rủi ro trong giai đoạn khai thác dự án: là kết quả rủi ro hai giai đoạn trên và rủi ro trực tiếp của giai đoạn này

-Theo khả năng được bảo hiểm: + rủi ro không thể bảo hiểm: khi người ta đặt mk vào tình huống rủi ro nhằm đánh đổi lấy cơ hội lớn hơn thì những rủi ro đó sẽ ko đc bảo hiểm

+ rủi ro có thể bảo hiểm: Các rủi ro ko thuộc laoij kể trên, về cơ bản đều có thể bảo hiểm, tuy mức độ khó dễ khác nhau

2. Quá trình quản lý rủi ro

Xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro => nhận dạng rủi ro => Phân tích, đánh giá rủi ro => Thực hiện quản lý rủi ro

B, phương pháp xử lý rủi ro, khi nào áp dụng

* 1.Né tránh rủi ro: đc sử dụng khi có nhiều sự lựa chọn cho một tình huống và hậu quả mà rủi ro đem lại lớn và khó khắc phục
* 2.Chấp nhận rủi ro: Dự án biết trước về rủi ro và hậu quả của nó, sẵn sàng chấp nhận. Phương pháp này đặc biệt thích hợp với các tình huống khi nguy cơ rủi ro tương đối thấp, mức độ thiệt hại nhỏ
* 3.Kiểm soát rủi ro: là việc không cố gắng loại bỏ các nguyên nhân dẫn đến rủi ro mà chỉ tìm cách giảm nhẹ rủi ro. Giảm xác suất xuất hiện rủi ro cũng như giảm thiệt hại mà rủi ro mang lại. Khi lựa chọn giữa các giải pháp theo hướng này cần phân tích để lựa chọn được giải pháp tối ưu nhằm bảo đảm tương quan hợp lý giữa rủi ro, chi phí và tiến độ dự án
* 4.Giảm nhẹ rủi ro: là việc giảm bớt ảnh hưởng một sự kiện rủi ro bằng việc cắt giảm những gì có thể khi sự cố xảy ra

Để giảm nhẹ rủi ro, đòi hỏi chủ đầu tư và cán bộ quản lý dự án phải thường xuyên đo lường, phân tích, đánh giá rủi ro một cách toàn diện và liên tục, từ đó xây dựng các kế hoạch tác nghiệp để đối phó kịp thời nhằm làm giảm tổn thất khi có rủi ro xảy ra.

* 5.Ngăn ngừa thiệt hại: trước hết phải nhận dạng và đánh giá mức độ thiệt hại có thể xảy ra, nguyên nhân dẫn đến thiệt hại. Trên có cơ sở đó có thể dự kiến các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa thiệt hại xảy ra làm giảm tổn thất đối với dự án
* 6.Chuyển dịch rủi ro: Là việc phân bố lại rủi ro từ bộ phận này sang bộ phận khác của dự án nhằm làm cho rủi ro tổng thể của dự án giảm đi hoặc chuyển dịch rủi ro sang phía các khách hàng hoặc người bán hàng. Cần chấp nhận đánh đổi giữa rủi ro với lợi ích, chi phí
* 7.Bảo hiểm: là chuyển dịch rủi ro theo hợp đồng. Thông qua đó góp phần làm giảm rủi ro vì các công ty bảo hiểm thường áp dụng những giải pháp tích cực để ngăn chặn nguy cơ xảy ra rủi ro. Đặc biệt thích hợp với những rủi ro mà xác suất xuất hiện thấp nhưng thiệt hại là nghiêm trọng khi rủi ro xảy ra
* 8.Tự bảo hiểm: Là biện pháp thay thế việc phải mua bảo hiểm trên thị trường hoặc do thị trường thương mại áp dụng mức miễn bồi thường khiếu nại, một số tổ chức công cộng và những công nghiệp lớn lập một quỹ riêng để đáp ứng những tổn thất có thể được bảo hiểm.

**CHƯƠNG 7: ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**

1. Những vấn đề cơ bản của đánh giá dự án

Khái niệm: Đánh giá dự án là quá trình xác định, phân tích một cách hệ thống và khách quan các kết quả, mức độ hiệu quả va các tác động, mối liên hệ của dự án trên cơ sở các mục tiêu của chúng

Tác dụng: Có thể phân loại đánh giá dự án theo nhiều cách, với mỗi cách phân loại ấy sẽ có các tác dụng khác nhau trong công tác quản lý.

2.Đánh giá tài chính DAĐT (tập trung vào khái niệm, tác dụng)

Khái niệm: Đánh giá tài chính DAĐT là phân tích khả năng sinh lời của dự án trên cơ sở đó lựa chọn được phương án đem lại lợi ích tài chính tối đa cho chủ đầu tư

Tác dụng: +) Đối với chủ đầu tư: là căn cứ quan trọng bậc nhất để quyết định có đầu tư hay không

+) Đối với cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước: là một trong những căn cứ quan trọng để các cơ quan này xem xét có cấp phép đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn của Nhà nước.

+) Đối với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước: là căn cứ quan trọng để đưa ra quyết định cho vay đối với dự án.

+) Đối với đánh giá kinh tế - xã hôi dự án đầu tư

3.Đánh giá kinh tế - xã hội DAĐT (tập trung vào khái niệm, tác dụng)

Khái niệm: Đánh giá KT-XH Dự án ĐT là việc so sánh, đánh giá một cách có hệ thống giữa những kết quả và chi phí của dự án trên quan điểm của toàn bộ nền kinh tế quốc dân ( hay toàn xã hội)

Tác dụng:

+ Đối với chủ đầu tư:

là căn cứ chủ yếu đ chủ đầu tư thuyết phục các cơ quan có thẩm quyển của Nhà nước chấp thuận dự án.

Là căn cứ thuyết phục các định chế tài chính trong và ngoài nước tài trợ vốn cho dự án, đảm bảo tính khả thi cho dự án

+ Đối với các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước:

là một căn cứ quan trọng để quyết định cho phép đầu tư của dự án

Một dự án sẽ được chấp nhận khi nó thực sự có đống góp cho nền kinh tế cũng như đáp ứng được yêu cầu phát triển

+ Đối với các định chế tài chính trong và ngoài nước

Là căn cứ quan trọng để đưa ra những quyết định có trợ vốn cho dự án hay không

Tức một dự án cần phải có hiệu quả không chỉ về mặt tài chính mà còn phải chứng minh được hiệu quả về xã hội